

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 371/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15 – 9 – 2020
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Thi.
2. Ông Lê Văn Phú.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 298/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 433/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 487/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 227, ấp BBT, xã QT, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Hồ Văn H, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 227, ấp BBT, xã QT, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Huỳnh Thị N vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Hồ Văn H vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 21/7/2020 của bà Huỳnh Thị N; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị N và ông Hồ Văn H do cha mẹ định đoạt nên tiến đến hôn nhân vào năm 1985, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau này, chính quyền địa phương có vận động bà N và ông H đăng ký kết hôn cho phù hợp quy định pháp luật nhưng ông H không đồng ý và cấm cản bà N đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, bà N và ông H thường xuyên xung đột, phát sinh cãi vã.

Khoảng năm 1996 thì ông H có quan hệ tình cảm bên ngoài, khi bà N khuyên can thì ông H bỏ nhà đi sống với người phụ nữ khác, đến khoảng hơn 01 năm thì ông H trở về. Sau đó, ông H tiếp tục quen với người phụ nữ khác. Do ông H thường xuyên đánh đập bà N nên bà N cũng không khuyên can, vì các con chung mà tiếp tục chung sống với ông H. Đến năm 2017, ông H tiếp tục quen và chung sống như vợ chồng với người phụ nữ tên G ngụ cùng địa phương với bà N, bà N cũng không có ý kiến. Tuy nhiên, khi ông H phát sinh mâu thuẫn với bà G thì ông H trở về kiếm chuyện và đánh đập bà N. Khi không chịu đựng nổi thì bà N báo Công an xã mời ông H đến làm việc và yêu cầu ông H làm cam kết nhưng ông H vẫn không thay đổi. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông H sinh được 02 (hai) con chung tên: Hồ Thị Kiều T, sinh ngày 29/3/1986 và Hồ Thanh H1, sinh ngày 09/01/1992. Hiện con chung đều đã trưởng thành, không mất khả năng lao động nên bà N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông Hồ Văn H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 18/8/2020 nhưng ông H vắng mặt không rõ lý do, ông H cũng không cung cấp văn bản ghi nhận ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà N.

Ngày 18/8/2020, bà N có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và yêu cầu được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do tuổi cao, sức khỏe yếu.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà Huỳnh Thị N giao nộp: Bản chính Giấy xác nhận số 15/GXN-UBND ngày 20/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã QT, huyện AP; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Hồ Văn H; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Thị N, Hồ Thị Kiều T, Hồ Thanh H1; bản chính Đơn yêu cầu ngày 18/8/2020.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Bản chính Biên bản xác minh ngày 26/8/2020 tại Công an xã QT, huyện AP.

Tại phiên tòa, do bà N và ông H cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của bà N, biên bản xác minh và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Theo biên bản xác minh ngày 26/8/2020, đại diện Công an xã QT cho biết: Ông Hồ Văn H, sinh năm 1965 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Số 227, ấp BBT, xã QT, huyện AP, tỉnh An Giang. Ông H thường được gọi là Chín H, thường xuyên sinh sống tại địa phương. Hiện nay, ông H đang sinh sống cùng con trai tên Hồ Thanh H1, sinh năm 1992 và người phụ nữ tên G. Ông H có quan hệ tình cảm phức tạp và sống không chung thủy.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Bà Huỳnh Thị N có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định bà N và ông H chung sống với nhau từ năm 1985, có tổ chức lễ cưới

nhưng cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn mặc dù được chính quyền địa phương khuyến khích và tạo điều kiện để đăng ký kết hôn, tuy nhiên hôn nhân giữa ông H và bà N vẫn được xem là hôn nhân thực tế theo quy định tại Nghị quyết số 35/2020/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được công khai tại phiên tòa, có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà N và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N. Về con chung, do con chung đều đã trưởng thành, không mất khả năng lao động, bà N cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, bà N khai không có nên không xem xét, giải quyết.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Hồ Văn H đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông H đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Huỳnh Thị N có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bản chính Giấy xác nhận số 15/GXN-UBND ngày 20/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã QT, huyện AP xác nhận bà Huỳnh Thị N và ông Hồ Văn H không đăng ký kết hôn, đồng thời xác định đây là trường hợp “nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích và tạo điều kiện để đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân được công nhận kể từ ngày các bên xác lập quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng” theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 nhưng chưa đăng ký kết hôn, bà N có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 theo điểm a Mục 3 Nghị quyết 35/2020/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị N và ông Hồ Văn H không đăng ký kết hôn theo bản chính Giấy xác nhận số 15/GXN-UBND ngày 20/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã QT, huyện AP. Ông Hồ Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 227, ấp BBT, xã QT, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị N cho rằng, bà N và ông H do cha mẹ định đoạt nên tiến đến hôn nhân vào năm 1985, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau này, chính quyền địa phương có vận động bà N và ông H đăng ký kết hôn cho phù hợp theo quy định pháp luật nhưng ông H không đồng ý và cản cản bà N đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, bà N và ông H thường xuyên xung đột, phát sinh cãi vã. Khoảng năm 1996 thì ông H có quan hệ tình cảm bên ngoài, khi bà N khuyên can thì ông H bỏ nhà đi sống với người phụ nữ khác, đến khoảng hơn 01 năm thì ông H trở về. Do ông H thường xuyên đánh đập bà N nên bà N cũng không khuyên can, vì các con chung mà tiếp tục chung sống với ông H. Đến năm 2017, ông H chung sống như vợ chồng với người phụ nữ tên G ngụ cùng địa phương với bà N. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông H. Chính quyền địa phương cũng đã xác nhận thông tin về việc bà N và ông H không có đăng ký kết hôn, xác nhận.

Những mâu thuẫn trong quá trình chung sống giữa bà N và ông H được Công an xã QT, huyện AP xác nhận trong biên bản xác minh ngày 26/8/2020. Việc ông H không chung thủy trong đời sống hôn nhân và hiện đang chung sống với người phụ nữ khác đã cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, có thể nhận thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị N theo quy định tại khoản 1 Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông H sinh được 02 (hai) con chung tên: Hồ Thị Kiều T, sinh ngày 29/3/1986 và Hồ Thanh H1, sinh ngày 09/01/1992. Hiện con chung đều đã trưởng thành, không mất khả năng lao động nên bà N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Thị N xác định không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Huỳnh Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Hồ Văn H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị N và ông Hồ Văn H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị N được ly hôn ông Hồ Văn H.

2. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Huỳnh Thị N phải chịu 300.000

(ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0004660 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Ông Hồ Văn H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

3. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà Huỳnh Thị N và ông Hồ Văn H. Bà N và ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã QT,
huyện An Phú (1);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Tuấn